

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phầm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa:* Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST- HNGĐ ngày 03/8/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Khu 3, xã B, huyện L, tỉnh P. Hiện ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Lê Viết K, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Khu 3, xã B, huyện L, tỉnh P. Hiện nay anh K đang lao động tại N.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Lê Viết K đăng ký kết hôn ngày 11/10/2017 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ anh K tại khu 3, xã B, huyện L, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng được khoảng 1 tuần thì anh K quay trở lại N làm việc còn chị cũng chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh B. Đến khoảng tháng 12 năm 2018 anh K bảo lãnh cho chị sang N. Khoảng tháng 6 năm 2020 chị quay trở lại Việt Nam nhưng cũng không về sống cùng bố mẹ chồng mà quay về sống cùng bố mẹ đẻ ở B. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian rất ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không

hợp nhau; bất đồng quan điểm sống; xô xát với bố mẹ chồng; vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm lạnh nhạt dần, không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay anh K vẫn đang lao động tại N và chưa quay trở lại Việt Nam. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết K.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị L trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh K ở N nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh K cho Tòa án được. Chị L đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh K tại N thông qua bố mẹ đẻ của anh K là ông Lê Văn H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 có địa chỉ tại: Khu 3, xã B, huyện L, tỉnh P.

Thân nhân của anh Lê Viết K là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Lê Viết K. Hiện nay, anh K đang làm việc tại N. Anh K thỉnh thoảng vẫn gọi điện về cho ông bà. Anh K chỉ nói với ông bà hiện đang ở N nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của anh K tại N cho Tòa án. Việc chị L xin ly hôn anh K, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Viết K. Về con chung: Do chị L xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Do chị L xác định không có nên không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Viết K là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị L trình bày hiện anh K đang sống và làm việc tại N. Tại văn bản số: 13714/QLXNC-P5 ngày 13/8/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 20) xác nhận “Lê Viết K, sinh ngày 25/5/1993, đã xuất nhập cảnh 21 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 11/12/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh

về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Trần Thị L và anh Lê Viết K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh P ngày 11/10/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do va chạm, xô xát của chị L với bố mẹ chồng; vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết K.

Anh Lê Viết K hiện đang ở nước ngoài, chị Trần Thị L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh K ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh K ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị Trần Thị L, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xác minh địa chỉ của anh K ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh K là ông Lê Văn H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 có địa chỉ tại: Khu 3, xã B, huyện L, tỉnh P. Ông H và bà L xác nhận anh K hiện đang ở N, anh K thỉnh thoảng có gọi điện cho ông bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên ông bà không cung cấp được địa chỉ của anh K tại N cho Tòa án. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Lê Viết K ngày 25/8/2020 (BL 43, 44) thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh K có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 1 tuần nên không có sự gắn kết; vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không có sự quan tâm, thương yêu lẫn nhau, chị L chưa làm tròn trách nhiệm với gia đình nhà chồng. Quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Lê Viết K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Trần Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết K là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị Trần Thị L được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Lê Viết K.

[2]. *Về con chung*: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị Trần Thị L xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0004244 ngày 31/7/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Anh Lê Viết K có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã B, H. L;
- Các đ- ong sự;
- L- u: HS+AV:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Huyền